ĐỌC SÁCH

DECOLONIZING COMPARATIVE LITERATURE: READING ACROSS SOUTHEAST ASIAN LITERATURES (Chi P. Pham, Jose Monfred C. Sy, Thi Nhu Trang Nguyen, NXB Springer, 2025)

VŨ HỒNG MAI PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 01.8.2026; ngày nhận bài sửa: 06.8.2026; ngày duyệt đăng: 10.8.2026

Văn học so sánh (Comparative Literature) là một ngành nghiên cứu có lịch sử lâu dài và thu hút sự quan tâm của giới học thuật. Tuy nhiên, quan hệ nội vùng giữa các nền văn học Đông Nam Á chưa được khảo sát tương ứng và các nền văn học khu vực thường được đọc trong quan hệ với các trung tâm văn hóa và học thuật bên ngoài hơn là trong sự đối thoại trực tiếp với nhau. Trong bối cảnh ấy, cuốn sách *Decolonizing Comparative Literature: Reading Across Southeast Asian Literatures* (tạm dịch: Giải thực dân hóa văn học so sánh: Đọc xuyên các nền văn học Đông Nam Á) do Phạm Phương Chi, Jose Monfred C.Sy và Nguyễn Thị Như Trang đồng chủ biên là nỗ lực đáng chú ý nhằm tái định vị văn học Đông Nam Á trên bản đồ văn học thế giới.

Cuốn sách quy tụ công trình của hơn 20 học giả đến từ Việt Nam, Thái Lan, Philippines, Indonesia, Brunei, Singapore và Đức. Với 487 trang, công trình gồm phần Giới thiệu và ba phần chính: *Phần 1: Rethinking Comparative Literature in Southeast Asia* (Nhìn lại văn học so sánh ở Đông Nam Á); *Phần 2: Reading Across Southeast Asian Texts* (Đọc xuyên các văn bản Đông Nam Á) và *Phần 3: Deconstructing the Canons in Southeast Asia* (Giải cấu trúc các điển phạm ở Đông Nam Á). Toàn bộ công trình gồm 27 Chương (kể cả phần Giới thiệu). Đối tượng xuyên suốt cuốn sách là các sáng tác văn học của Đông Nam Á trong những mối liên hệ nội vùng hoặc trong tương quan văn học của các quốc gia và khu vực khác.

Trong công trình này, "decolonizing" (giải thực dân hóa) không chỉ được hiểu đơn giản là phủ nhận toàn bộ di sản lí luận thực dân mà là sự xem xét lại vị thế độc tôn của khung tri thức và truyền thống học thuật phương Tây, đặc biệt là quan điểm lấy châu Âu làm trung tâm. Cách tiếp cận ấy tạo điều kiện để các văn bản của Đông Nam Á không chỉ xuất hiện như những đối tượng ngoại biên, bị động tiếp nhận ảnh hưởng từ bên ngoài mà còn được đọc từ chính kinh nghiệm lịch sử, truyền thống tri thức và góc nhìn bản địa. Các tác giả cũng đã xác định mục tiêu của cuốn sách là "đặt các góc nhìn Đông Nam Á làm trung tâm, thách thức khung tri thức lấy châu Âu làm chuẩn và làm nổi bật các truyền thống tri thức từng bị đẩy ra ngoài lề"[1]. Tuy nhiên, giải thực dân hóa cũng có nguy cơ rơi vào một cấu trúc nhị nguyên khác nếu như chỉ

* Viện Văn học. Gmail: vhpmt33@gmail.com

[1] Chi P. Pham et al., "Chapter 1: Introduction", in *Decolonizing Comparative Literature: Reading Across Southeast Asian Literatures*. (Springer Nature, 2025), 1: *centering Southeast Asian perspectives, challenging Eurocentric frameworks, and foregrounding intellectual traditions that have been historically marginalized.*

đối lập phương Tây và phi phương Tây hay giản lược mối quan hệ giữa thực dân và thuộc địa thành sự áp bức và kháng cự. Giá trị của tập sách nằm ở chỗ nhiều chương đã tránh được cái nhìn đơn tuyến đó. Trước hết, các nghiên cứu trường hợp chủ yếu triển khai mô hình so sánh cận kề, đặt các tác phẩm văn học thuộc truyền thống văn học Đông Nam Á bên cạnh nhau trên vị thế bình đẳng, thay vì lấy một nền văn học hay lí thuyết nghiên cứu phương Tây làm chuẩn. Cách làm này không nhằm đối lập hoàn toàn một cách cực đoan với hệ hình tư duy Tây phương hay đảo ngược thứ bậc để thiết lập một trung tâm mới mà làm dịch chuyển cán cân tri thức cũng như trao quyền lên tiếng cho những nền văn học ít được chú ý trong bản đồ văn học thế giới. Đồng thời, các chương sách cũng cho thấy kinh nghiệm thuộc địa và hậu thuộc địa ở Đông Nam Á không đồng nhất: ảnh hưởng, tiếp nhận, kháng cự, thương lượng hay định hình và tái tạo văn hóa bản địa thường diễn ra đan xen. Từ những tương đồng và khác biệt ấy, công trình hình thành các cuộc đối thoại biểu thị mối liên kết nội tại giữa các quốc gia Đông Nam Á và giữa Đông Nam Á với các truyền thống văn hóa, kinh tế và học thuật bên ngoài. Vì vậy, "giải thực dân hóa" được cụ thể hóa trong các chương viết qua nhiều đối tượng, phương pháp và trường hợp nghiên cứu khác nhau.

Ba phần chính của cuốn sách có thể được xem như ba thao tác liên kết với nhau: nghĩ lại (rethinking), đọc xuyên (reading across) và giải cấu trúc các điển phạm (deconstructing the canons). Cách tổ chức ba phần này thể hiện rõ chủ đích của nhóm biên soạn: trước hết, xem xét lại lịch sử tiếp nhận nghiên cứu của văn học so sánh Đông Nam Á trong khu vực; sau đó, mở rộng đọc xuyên quốc gia, xuyên văn hóa và xuyên ngôn ngữ; và cuối cùng, chất vấn quá trình hình thành các điển phạm và đề xuất những cách diễn giải mới. Thông qua ba thao tác ấy, cuốn sách vừa cho thấy tiềm năng lí thuyết của văn học so sánh Đông Nam Á, vừa cung cấp một hệ thống nghiên cứu trường hợp tương đối phong phú.

Phần 1: Nhìn lại văn học so sánh ở Đông Nam Á gồm sáu chương sách tập trung vào vấn đề dịch thuật, nghiên cứu và sự lưu chuyển văn bản giữa các không gian ngôn ngữ và văn hóa. Các chương cho thấy những hình thức tiếp nhận văn học xuyên quốc gia giữa các quốc gia có kinh nghiệm thuộc địa hóa và hiện đại hóa khác nhau như Thái Lan, Việt Nam, Philippines, đồng thời khảo sát quá trình ảnh hưởng, kháng cự và phục hồi văn hóa trong quan hệ giữa Đông Nam Á với các nước thực dân trước, trong và sau thời kì thuộc địa. Từ đó, các tác giả đưa ra các phương thức diễn giải nhằm phá vỡ khung nghiên cứu quen thuộc của văn học so sánh. Ví dụ, trường hợp Petronilo Daroy và các học giả người Philippines sau ông đã cho thấy sự cần thiết phải nhìn lại ảnh hưởng hệ hình tư duy phương Tây đối với truyền thống nghiên cứu văn học dân tộc hay những luận điểm của Jose Maria Sison nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền tảng tri thức văn hóa, văn học bản địa, đồng thời muốn đưa văn học Philippines tham gia một cách chủ động hơn vào không gian văn học thế giới. Phần sách này, vì thế không chỉ tổng thuật lịch sử tiếp nhận mà còn gợi ra cách các nền văn học trong khu vực có thể tự xác lập vị trí và phương pháp nghiên cứu của mình.

Phần 2: Đọc xuyên các văn bản Đông Nam Á và *Phần 3: Giải cấu trúc các điển phạm ở Đông Nam Á* chuyển trọng tâm sang các nghiên cứu trường hợp, qua đó làm rõ hoạt động sáng

tác và tiếp nhận văn học như những hình thức thương lượng hoặc kháng cự văn hóa. Phần 2 gồm 13 chương, vận dụng nhiều hướng tiếp cận liên ngành như tâm lí học, phê bình nữ quyền, nghiên cứu giới, phê bình sinh thái, nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu chiến tranh và đồn điền,… Việc đặt cạnh nhau hai hoặc nhiều tác phẩm văn học thuộc truyền thống văn học khác nhau giúp làm giảm sự lệ thuộc vào mô hình so sánh lấy phương Tây làm trung tâm, đồng thời tạo ra các cuộc đối thoại trực tiếp giữa các nền văn học Đông Nam Á. Phạm vi khảo sát không chỉ giới hạn ở tác phẩm của các tác giả trong khu vực mà còn bao gồm sáng tác của các tác giả ngoài khu vực viết về Đông Nam Á. Tiêu biểu là nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Trang đã đối sánh tác phẩm của Konstantin Vyazemsky (Nga) và Claude Bourrin (Pháp) từ góc nhìn nhân học để khảo sát cách người ngoại quốc hình dung về Đông Nam Á. Phần 3 gồm 8 chương tập trung vào quá trình một điển phạm văn học hoặc nghệ thuật được hình thành dưới sự tác động của chính trị, văn hóa, xã hội hay truyền thống tri thức đã được thiết lập. Các tác giả trở lại với các mã văn hóa và tác phẩm quen thuộc như truyện cổ tích *Thạch Sanh*, bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ* của Việt Nam hay hình tượng *Hang Tuah* của Malaysia, đặt chúng vào các hệ quy chiếu mới để phá vỡ cách đọc và cách tiếp nhận truyền thống. Qua đó, việc giải cấu trúc không nhằm phủ nhận giá trị của các điển phạm mà làm rõ những điều kiện lịch sử và quyền lực đã tạo nên vị thế của chúng; sự tái diễn giải này cũng cho thấy rằng một biểu tượng văn hóa không bao giờ có một ý nghĩa duy nhất, bất biến hay có quyền năng tuyệt đối mà còn có khả năng sản sinh những cách đọc khác, khi bối cảnh và câu hỏi nghiên cứu thay đổi.

Nhìn tổng thể, *Decolonizing Comparative Literature: Reading Across Southeast Asian Literatures* đã cung cấp nhiều nghiên cứu trường hợp giàu sức gợi mở và cho thấy quy mô đáng kể của một dự án so sánh nội vùng. Xuyên suốt 27 chương sách, phạm vi khảo sát trải rộng trên các nền văn học của mười quốc gia Đông Nam Á, trong đó Việt Nam và Philippines chiếm dung lượng nổi bật hơn. Sự phân bố này cho thấy một giới hạn nhất định về mức độ hiện diện của các quốc gia và truyền thống ngôn ngữ chưa thật cân bằng, khả năng khái quát lí thuyết từ một số nghiên cứu trường hợp vẫn có thể phát triển sâu hơn. Tuy nhiên, đây cũng là một điều khó tránh với một công trình tập thể có phạm vi rộng và quy tụ nhiều hướng nghiên cứu. Đóng góp đáng ghi nhận nhất của cuốn sách là tạo lập một không gian để các nền văn học Đông Nam Á được đọc trong quan hệ trực tiếp với nhau, thay vì chỉ xuất hiện những trường hợp minh họa cho các lí thuyết được xây dựng bên ngoài khu vực. Công trình đồng thời chỉ ra các di sản thực dân và hệ thống tri thức phương Tây tác động đến hoạt động sáng tác, dịch thuật, nghiên cứu và quá trình hình thành điển phạm nhưng không giản lược văn học Đông Nam Á thành sản phẩm của sự áp đặt một chiều mà còn có những hình thức tiếp nhận, kháng cự, định hình và tái tạo văn hóa khác nhau. Vì thế, cuốn sách không chỉ gợi mở những cách tiếp cận mới với văn học nói chung và văn học so sánh Đông Nam Á nói riêng mà còn tạo điều kiện để các nền văn học trên thế giới đều có thể tham gia đối thoại trên vị thế bình đẳng, đồng thời đóng góp vào việc xây dựng và điều chỉnh chính các khung lí thuyết dùng để đọc chúng.